

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST

Ngày 15- 01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Quy

Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh K tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngày 02/1/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T – sinh năm 1989, tên gọi khác: Không; Nơi sinh, nơi đăng ký thường trú, nơi cư trú: Thôn M, xã Y, huyện X, tỉnh K; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Cạnh (đã chết) và bà Bùi Thị Liên – sinh năm 1960; có vợ là Phạm Thị Huệ và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013, tiền sự: không; tiền án: Có 01 tiền án: Tại bản án số 21/2016/HSST ngày 21/4/2016 bị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù nhưng chưa thi hành xong phần án phí hình sự của bản án. Hiện bị cáo đang bị bắt tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi – Công an tỉnh K từ ngày 18/10/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Anh Vũ Xuân Q – sinh năm 1988

Trú tại: Thôn N, xã Y, huyện X, tỉnh K. vắng mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Xuân H – sinh năm 1977, trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, thành phố Q. vắng mặt

*** Người làm chứng:** Anh Nguyễn Đình Q – sinh năm 1988

Trú tại: Thôn G, xã C, huyện B, Thành phố Q, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 23/7/2019 Nguyễn Văn T đi bộ lang thang ngoài đường mục đích xem nhà ai có tài sản để sơ hở thì trộm cắp đem bán lấy tiền ăn tiêu. Khi đi đến đoạn đường khu vực đầu ngõ nhà anh Vũ Xuân Q – sinh năm 1988 thuộc Thôn N, xã Y, huyện X, tỉnh K quan sát thấy cổng nhà anh Q không có cánh. T đi vào thấy gia đình anh Q đã đóng cửa, tắt điện đi ngủ, chiếc xe máy nhãn hiệu Wave, biển số 16L2-0776 của anh Q dựng ở ngoài sân, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện của xe. T dắt chiếc xe máy trên ra ngoài đường, mở khóa điện và cho xe nổ máy đi đến huyện B, thành phố Q. Khoảng hơn 07 giờ cùng ngày T vào quán nước gần trung tâm điều trị Methadone thuộc xã D, huyện B. Tại đây T gặp anh Nguyễn Xuân H – sinh năm 1977, trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, thành phố Q đang ngồi chờ uống thuốc. T hỏi vay anh H 500.000 đồng và để lại chiếc xe máy trộm cắp được nêu trên để làm tin, T nói với anh H đó là xe máy của T. Hồi 07 giờ 20 phút cùng ngày, khi anh H vẫn đang ngồi ở quán nước chờ uống thuốc thì bị tổ công tác thuộc Công an huyện B kết hợp với Công an xã D kiểm tra, H không xuất trình được giấy tờ liên quan đến chiếc xe máy biển số 16L2-0776. Tổ công tác đã tiến hành quản lý chiếc xe máy trên và ngày 05/9/2019 Công an huyện B đã bàn giao lại chiếc xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X để xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X ngày 19/9/2019 kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Wave, biển số 16L2-0776 trị giá 3.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận về hành vi như nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 30/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh K truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 18/10/2019. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 23/7/2019 tại sân nhà anh Vũ Xuân Q ở thôn N, xã Y, huyện X, tỉnh K lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Nguyễn Văn T đã lấy của anh Q chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 16L2-0776 trị giá 3.000.000 đồng.

[3] Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh K truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo sợ mất tài sản trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người khác, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để lấy tiền ăn tiêu. Về tình

tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Xuân Q đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda kiểu xe Wave, màu trắng đen, BKS 16L2-0776 anh Q không yêu cầu T phải bồi thường gì cho anh Q. Đối với số tiền 500.000 đồng mà anh Nguyễn Xuân H cho T vay, anh H tự nguyện cho T và không yêu cầu T phải trả cho anh H số tiền này nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Trong vụ án này, anh Nguyễn Xuân H cho T vay tiền và T đã để lại xe mô tô trộm cắp được cho anh H. Anh H không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện X không đặt ra việc xử lý đối với anh H là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết luận phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản.
2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **12 (mười hai)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 18/10/2019.
3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ tuyên án sơ thẩm; người bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh K;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K;
- Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh k;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện X, tỉnh K;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện X, tỉnh K;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh K;
- Sở Tư pháp tỉnh K;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

